TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2018/HSST
Ngày: 24/10/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bảy
Ông Nguyễn Quang Liêu

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Quốc Hải – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*****:** Bà Trịnh Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 67/2018/HSST ngày 01 tháng 8 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST – HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Văn Y, sinh năm 1978, tại L

Nơi cư trú: Thôn Đăk XuY, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 1/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Vy Thị C; bị cáo có vợ là chị Vi Thị N (là bị cáo trong vụ án)và 02 người con là cháu Hoàng Thanh B sinh năm 2013; cháu Hoàng Ngọc D sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2018 cho đến nay (Có mặt).

2. Họ và tên: Vi Thị N, sinh năm 1983, tại L.

Nơi cư trú: Thôn Đăk XuY, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 4/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn K và bà Hoàng Thị S; bị cáo có chồng là anh Hoàng Văn Y (là bị cáo trong vụ án) và 02 người con là cháu Hoàng Thanh B sinh năm 2013; cháu Hoàng Ngọc D sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2018 cho đến nay (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Nông Văn A, sinh năm 1977 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 4, xã M, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước.

2. Triệu Văn H, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã M, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước.

3. Phương Văn Q, sinh năm 1999 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã M, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước.

4. Nguyễn Thị Hoa F, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã M, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 11/4/2018 Vi Thị N đang dùng dao lam chia nhỏ ma túy gói vào giấy bạc trong phòng ngủ để bán cho các con nghiện thì có Nông Văn A đến gặp chồng của N là Hoàng Văn Y hỏi mua 200.000đ ma túy (loại heroin) thì Y đồng ý. Y đi vào trong phòng ngủ chỗ N đang phân ma túy lấy 01 gói ma túy đưa cho A, A đưa cho Y 200.000đ thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Ngoài lần bị bắt quả tang, Hoàng Văn Y còn khai nhận bán ma túy cho A thêm 02 lần nữa, lần đầu vào ngày 30/3/2018 với giá 100.000đ và lần thứ hai vào ngày 09/4/2018 với giá 100.000đ.

Ngoài ra, Y còn bán cho Triệu Văn H 02 lần, lần đầu cách ngày bị bắt khoảng 01 tháng, lần hai cách ngày bị bắt 03 ngày tức ngày 08/4/2018, mỗi lần với giá 200.000đ; bán cho Phương Văn Q 01 lần vào ngày 09/4/2018 với giá 100.000đ. Nguồn gốc ma túy là do Y mua của một người Mông không rõ nhân thân, lai lịch vào ngày 08/4/2018 với giá 1.000.000đ (một triệu đồng).

Riêng Vi Thị N, ngoài lần phân ma túy cho Y bán bị bắt quả tang thì N còn bán ma túy cho Nông Văn A thêm 01 lần nữa cách ngày bị bắt quả tang khoảng 10 ngày với giá 100.000đ.

- Tại bản kết luận giám định số 114/2018/GĐKTHS ngày 17/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B Phước kết luận:

+ Chất màu trắng có trong 01 gói giấy bạc ký hiệu M1 được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, khối lượng 0,0218g, loại heroin.

+ Chất màu trắng có trong 08 gói giấy bạc và 01 gói nylon ký hiệu M2 được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, khối lượng 1,0639g, loại heroin.

+ Chất màu trắng có trong 01 gói giấy bạc ký hiệu M3 được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, khối lượng 0,2903g loại heroin.

Bị can Hoàng Văn Y và Vi Thị N có 01 tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo.

* Về vật chứng vụ án:

- 02 phong bì niêm phong ký hiệu 114M2, 114M3 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B Phước.

- Số tiền 21.450.000 đồng (Hai mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng)

Tất cả các vật chứng nêu trên Cơ quan CSĐT công an huyện Bù Đăng đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để xử A theo quy định.

- Đối với 01 gói giấy bạc ký hiệu M1 được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, khối lượng 0,0218g, loại heroin. Đã sử dụng hết vào công tác giám định.

Tại bản cáo trạng số: 62/CT –VKS - BĐ ngày 30/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo Hoàng Văn Y về "Tội mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b,c Khoản 2 Điều 251 và bị cáo Vi Thị N về "Tội mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguY nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuY bố các bị cáo Hoàng Văn Y và Vi Thị N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; về hình phạt,

Áp dụng điểm b,c Khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Y từ 07 đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Vi Thị N từ 04 đến 05 năm tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị xử A theo qui định của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Văn Y và Vi Thị N thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/3/2018 đến ngày 11/4/2018, Hoàng Văn Y và Vi Thị N đã nhiều lần bán ma túy cho các con nghiện Nông Văn A, Triệu Văn H, Phương Văn Q để thu lợi bất chính với tổng số tiền là 1.100.000đ.

Qua giám định chất màu trắng (ký hiệu M1, M2 và M3) được niêm phong gửi giám định là ma túy có tổng trọng lượng (khối lượng) là 3,9887 gam, loại Heroin.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Hoàng Văn Y và Vi Thị N đã phạm vào " tội mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản A của Nhà nước về chất ma tuý, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác nhưng vẫn cố ý phạm tội; Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Hoàng Văn Y là người trực tiếp mua ma túy đem về nhà với mục đích sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời. Ngày 11/4/2018 Y đã đưa ma túy cho bị cáo N chia nhỏ để bán cho các con nghiện; ngay ngày 11/4/2018 Y đã bán cho A; ngoài ra, trước đó Y đã bán cho A 02 lần, bán cho H 02 lần, bán cho Q 01 lần ; như vậy, bị cáo đã có hành vi bán ma túy trái phép cho nhiều người, nhiều lần; do đó bị cáo phải chịu 02 tình tiết định khung, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Vi Thị N vào ngày 11/4/2018 khi được Y giao ma túy, bị cáo đã thực hiện hành vi chia nhỏ ma túy, để bị cáo Y bán cho A. Như vậy, bị cáo N đã giúp sức cho bị cáo Y trong việc bán ma túy; đây là đồng phạm giản đơn, bị cáo N tham gia với vai là người giúp sức. Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận trước đó bị cáo N đã thực hiện hành vi bán ma túy trái phép cho A hai

lần. Do đó, bị cáo N phải chịu tình tiết định khung là bán ma túy nhiều lần, được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS.

Xét toàn bộ vụ án, tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo là vợ chồng đang nuôi con nhỏ (01 cháu 04 tuổi, 01 cháu 05 tuổi), là người dân tộc thiểu số, sự hiểu biết pháp luật có phần hạn chế hơn nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy, cần xử các bị cáo một mức án thật tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục, răn đe đối với bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, quan hệ giữa các bị cáo là vợ chồng, các con của các bị cáo còn nhỏ, bị cáo N tham gia với vai trò là người giúp sức, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, có 01 tình tiết định khung nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo N một phần trách nhiệm hình sự, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của nhà nước, sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, có thời gian để được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của các bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 47, Khoản 1 Điều 48 Bộ Luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015. Cần tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 02 phong bì niêm phong ký hiệu 114M2, 114M3 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B Phước. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 1.100.000 đồng mà các bị cáo thu lợi từ việc bán ma túy. Cần trả lại cho các bị cáo số tiền 20.350.000 đồng là tài sản của bị cáo Y và bị cáo N.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử A vụ án của Đại diện Viện kiển sát tham gia phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: TuY bố bị cáo Hoàng Văn Y và Vi Thị N phạm "Tội mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Y 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2018.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Vi Thị N 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2018.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 02 phong bì niêm phong ký hiệu 114M2, 114M3 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước. TuY tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.100.000 đồng các bị cáo thu lợi từ việc bán ma túy; khấu trừ vào số tiền thu giữ từ các bị cáo là 21.450.000đ; tuyên trả lại cho các bị cáo Hoàng Văn Y và Vi Thị N, số tiền 20.350.000 đồng là tài sản của các bị cáo; theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009625, ngày 31/7/2018; giữa Công an huyện Bù Đăng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Văn Y và Vi Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/10/2018).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh B Phước.
- Sở tư pháp tỉnh B Phước;
- Công an tỉnh B Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thùy Linh